

KẾT QUẢ VÒNG 1 KỲ THI TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỔNG CỤC THUẾ NĂM 2016 VÀO CỤC THUẾ HÀ NAM

(Kèm theo Thông báo số 3108 /TB-HĐTD ngày 05/9/2017 của Chủ tịch HĐTD công chức Tổng cục Thuế năm 2016)

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
I. Chuyên viên và Kiểm tra viên thuế																			
1	Đỗ Thị Lan	Anh				17	6	1992	Thanh Hải, Thanh Liêm, Hà Nam	Học viên Tài chính	Kế toán doanh nghiệp	Con BB	HNA00026	20	90.00	52.50	72.50		HNA00018
2	Hoàng Mai	Anh				20	5	1994	TT Quế, Kim Bảng, Hà Nam	Đại học công nghệ giao thông vận tải	Kế toán doanh nghiệp		HNA00037		77.50	50.00	75.00		HNA00117
3	Ngô Thị Lan	Anh				3	10	1994	Liêm Thuận, Thanh Liêm, Hà Nam	Đại học giao thông vận tải	Kế toán tổng hợp		HNA00056		52.50	32.50	57.50		HNA00107
4	Nguyễn Văn	Anh				27	9	1993	Xóm 14, Thi Sơn, Kim Bảng, Hà Nam	Học viện công nghệ bưu chính viễn thông	Kế toán		HNA00083		45.00	25.00	52.50		HNA00164
5	Phạm Hoàng	Anh				8	11	1992	Thị Sơn, Kim Bảng, Hà Nam	Đại học kinh tế quốc dân	Thương mại quốc tế		HNA00085		47.50	31.25	65.00		HNA00090
6	Trần Thị Lan	Anh				21	12	1991	Tây Tiến, Tiên Hải, Thái Bình	Học viện ngân hàng	Ngân hàng thương mại		HNA00102		75.00	50.00	67.50		HNA00029
7	Trần Thị Vân	Anh				9	11	1988	Hòa Tiến, Hưng Hà, Thái Bình	Học viện ngân hàng	Quản trị Marketing		HNA00104		VT	VT	VT		HNA00207
8	Trịnh Tuấn	Anh	2	4	1991				xã Đức Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam	Học viên Tài chính	Tài chính doanh nghiệp		HNA00109		VT	VT	VT		HNA00001
9	Vũ Thị Kiều	Anh				2	9	1984	Châu Giang, Duy Tiên, Hà Nam	Học viên Tài chính	Kế toán doanh nghiệp		HNA00118		VT	VT	VT		HNA00192
10	Vũ Thị Phương	Anh				6	8	1993	Phượng Định, Trục Ninh, Nam Định	Đại học kinh tế quốc dân	Kế hoạch		HNA00122		VT	VT	VT		HNA00127
11	Nguyễn Thị	Bích				5	3	1991	Xóm Bạch Xa, thôn Nội, Đồng Du, Bình Lục, Hà Nam	Đại học thương mại	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại		HNA00151		VT	VT	VT		HNA00077
12	Nguyễn Thị	Bình				10	8	1988	Xóm 1, thôn Kim Thượng, xã Kim Bình, Kim Bảng, Phủ Lý, Hà Nam	Đại học kinh tế và Quản trị kinh doanh - ĐH Thái Nguyên	Kế toán tổng hợp		HNA00164		45.00	26.25	55.00		HNA00048
13	Nguyễn Thúc	Bình				24	10	1993	An Nội, Bình Lục, Hà Nam	Học viên Tài chính	Kế toán doanh nghiệp		HNA00165		72.50	46.25	70.00		HNA00075
14	Phạm Thị Thanh	Bình				1	3	1990	Thanh Sơn, Kim Bảng, Hà Nam	Đại học thương mại	Kế toán doanh nghiệp		HNA00169		VT	VT	VT		HNA00110
15	Nguyễn Thị	Châm				15	3	1990	Tân Thịnh, Công Lý, Lý Nhân, Hà Nam	Đại học thương mại	Kế toán		HNA00177		57.50	52.50	50.00		HNA00036
16	Dương Quốc	Chí	16	6	1990				Xóm 6, Đồng Lý, Lý Nhân, Hà Nam	Học viện ngân hàng	Tài chính doanh nghiệp		HNA00196		47.50	40.00	57.50		HNA00050
17	Trần Thị	Chinh				13	11	1988	Đỗ Nội 2, Tiên Hải, Phủ Lý, Hà Nam	Đại học thương mại	Kế toán		HNA00204		VT	VT	VT		HNA00185
18	Trần Công	Chinh	25	9	1993				Lộc Hạ, Nam Định	Đại học thương mại	Thương mại quốc tế		HNA00206		80.00	71.25	72.50		HNA00028
19	Đỗ Đào	Chương	25	5	1991				Trịnh Xá, Phủ Lý, Hà Nam	Đại học thương mại	Kế toán doanh nghiệp		HNA00217		65.00	28.75	52.50		HNA00101
20	Lại Mai	Cương	15	8	1982				Tiên Nội, Duy Tiên, Hà Nam	Đại học Lâm nghiệp	Kế toán		HNA00233		32.50	45.00	40.00		HNA00130
21	Nguyễn Mạnh	Cường	24	1	1984				Đức Lý, Lý Nhân, Hà Nam	Học viện hậu cần	Tài chính - Ngân hàng		HNA00239		75.00	57.50	72.50		HNA00157
22	Nguyễn Thị	Cửu				1	7	1989	Phúc Lưu, Thạch Trị, Thạch Hà, Hà Tĩnh	Đại học kinh tế thành phố Hồ Chí Minh	Kế toán		HNA00243		85.00	45.00	80.00		HNA00060
23	Lại Hải	Đăng	3	10	1992				Ninh Tảo, Thanh Bình, Thanh Liêm, Hà Nam	Học viện chính sách và phát triển	Tài chính công	Con TB	HNA00245	20	47.50	45.00	67.50		HNA00111
24	Hà Thị Minh	Dịu				14	7	1991	Xóm Trại Giữa, Tân Hòa, Phủ Bình, Thái Nguyên	Đại học kinh tế và Quản trị kinh doanh - ĐH Thái Nguyên	Tài chính doanh nghiệp	DTTS	HNA00287	20	VT	VT	VT		HNA00179
25	Nguyễn Thị	Dịu				15	4	1989	Thanh Hương, Thanh Liêm, Hà Nam	Đại học tài nguyên và Môi trường Hà Nội	Kế toán	Con TB	HNA00291	20	60.00	31.25	30.00		HNA00128
26	Vũ Thị	Dịu				7	11	1991	Liêm Cẩn, Thanh Liêm, Hà Nam	Học viên Tài chính	Tài chính doanh nghiệp	Con NHĐKC bị NCDHH	HNA00294	20	VT	VT	VT		HNA00163
27	Vũ Quý	Đôn	8	10	1982				Liêm Sơn, Thanh Liêm, Hà Nam	Đại học kinh tế quốc dân	Tài chính		HNA00302		17.50	38.75	55.00		HNA00171

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
28	Đinh Tuấn	Đồng	10	1	1988				Xóm 4, Thị Sơn, Kim Bảng, Hà Nam	Đại học Nông nghiệp Hà Nội	Kế toán doanh nghiệp		HNA00308		40.00	35.00	50.00		HNA00165
29	Lê Anh	Đức	4	9	1993				An Mỹ, Bình Lục, Hà Nam	Đại học công nghiệp Việt Nam - Hungary	Tài chính - Ngân hàng		HNA00318		77.50	51.25	55.00		HNA00054
30	Lương Việt	Đức	12	12	1992				Chuyên Ngoại, Duy Tiên, Hà Nam	Đại học Chu Văn An	Kế toán	Con NHĐKC bị NCDHH	HNA00319	20	55.00	61.25	50.00		HNA00052
31	Nguyễn Ngọc	Đức	23	2	1985				Thôn Nhất, Liêm Cẩn, Thanh Liêm, Hà Nam	Viện Đại học Mở Hà Nội	Kế toán		HNA00324		25.00	30.00	45.00		HNA00208
32	Phạm Minh	Đức				29	5	1991	Chuyên Ngoại, Duy Tiên, Hà Nam	Đại học công nghiệp Hà Nội	Kế toán	Con TB	HNA00329	20	62.50	57.50	62.50		HNA00210
33	Trần Minh	Đức	4	11	1993				xã Bình Nghĩa, Bình Lục, Hà Nam	Học viện ngân hàng	Kế toán doanh nghiệp		HNA00331		95.00	73.75	85.00		HNA00013
34	Vũ Thị Thanh	Dung				8	10	1993	Xóm Giữa, Hoàng Tây, Kim Bảng, Hà Nam	Đại học kinh doanh và công nghệ Hà Nội	Kế toán		HNA00377		60.00	36.25	55.00		HNA00058
35	Lương Việt	Dũng	5	3	1992				Đức Lý, Lý Nhân, Hà Nam	Đại học kinh tế quốc dân	Quản trị kinh doanh		HNA00384		40.00	42.50	65.00		HNA00195
36	Cao Thị	Dương				24	10	1989	Mão Điền, Thuận Thành, Bắc Ninh	Đại học kinh tế kỹ thuật công nghiệp	Kế toán doanh nghiệp		HNA00393		37.50	27.50	37.50		HNA00123
37	Lê Thị Ánh	Dương				27	8	1995	xã Công Lý, Lý Nhân, Hà Nam	Đại học Luật Hà Nội	Luật		HNA00396		100.00	58.75	87.50		HNA00211
38	Nguyễn Thị Thủy	Dương				8	7	1994	xã Phú Ván, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà nam	Đại học Luật Hà Nội	Luật kinh tế		HNA00401		75.00	71.25	65.00		HNA00023
39	Nguyễn Thủy	Dương				2	12	1993	Trực Khang, Trực Ninh, Nam Định	Đại học tài chính - Quản trị kinh doanh	Ngân hàng		HNA00403		57.50	42.50	45.00		HNA00043
40	Phạm Thành	Dương	7	3	1993				xã Khánh An, Yên Khánh, Ninh Bình	Học viện Tài chính	Kiểm toán		HNA00405		97.50	85.00	82.50		HNA00006
41	Vũ Thị Thủy	Dương				9	5	1991	Tổ 16, phường Nam Sơn, TP. Tam Điệp, Ninh Bình	Học viện Tài chính	Kế toán doanh nghiệp		HNA00409		72.50	45.00	72.50		HNA00087
42	Phạm Văn	Duy	6	9	1980				Hải Phú, Hải Hậu, Nam Định	Đại học công nghiệp Hà Nội	Kế toán	HTNVQS	HNA00414	10	42.50	31.25	40.00		HNA00044
43	Trần Vũ	Duy	23	2	1989				Xóm 5, Ngõ Khê, Bình Nghĩa, Bình Lục, Hà Nam	Đại học tài chính - Quản trị kinh doanh	Kế toán doanh nghiệp		HNA00416		50.00	32.50	40.00		HNA00146
44	Hoàng Thị	Duyên				15	5	1994	Thôn Bích Trì, Liêm Tuyền, Phủ Lý, Hà Nam	Đại học tài chính - Quản trị kinh doanh	Kế toán doanh nghiệp		HNA00418		62.50	37.50	52.50		HNA00204
45	Lương Thị	Duyên				19	7	1994	Đức Lý, Lý Nhân, Hà Nam	Đại học thương mại	Quản trị doanh nghiệp thương mại		HNA00420		67.50	36.25	65.00		HNA00212
46	Dương Trường	Giang	17	10	1990				Xóm 9, Đồng Lý, Lý Nhân, Hà Nam	Học viện chính sách và phát triển	Tài chính công		HNA00437		VT	VT	VT		HNA00176
47	Phạm Thị Thu	Hà				14	8	1985	Yên Hòa, Yên Mô, Ninh Bình	Viện Đại học Mở Hà Nội	Kế toán		HNA00524		52.50	31.25	45.00		HNA00169
48	Lê Thị	Hải				4	2	1990	Khả Phong, Kim Bảng, Hà Nam	Đại học thương mại	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại		HNA00556		57.50	53.75	55.00		HNA00114
49	Nguyễn Thị	Hằng				13	10	1991	Hưng Công, Bình Lục, Hà Nam	Đại học Hà Nội	Tài chính - Ngân hàng - Tiếng Anh	Con TB	HNA00605	20	VT	VT	VT		HNA00184
50	Nguyễn Thị	Hằng				25	6	1990	thôn Đình Ngo, Tiên Hiệp, Phủ Lý, Hà Nam	Đại học kinh tế kỹ thuật công nghiệp	Kế toán doanh nghiệp		HNA00603		65.00	47.50	70.00		HNA00055
51	Trần Thị	Hằng				4	9	1991	thôn Đổ Nội, xã Tiên Hải, thành phố Phủ Lý, Hà Nam	Đại học công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh	Kế toán kiểm toán		HNA00622		VT	VT	VT		HNA00015
52	Trần Thị Thúy	Hằng				13	10	1991	Ngọc Sơn, Kim Bảng, Hà Nam	Đại học kinh tế quốc dân	Kế toán tổng hợp		HNA00625		82.50	53.75	80.00		HNA00074
53	Vũ Thị Thu	Hằng				25	10	1993	xã Ninh Vân, huyện Hoa Lư, Bình Bình	Học viện Tài chính	Kiểm toán		HNA00631		85.00	57.50	80.00		HNA00032
54	Nguyễn Thị	Hạnh				25	9	1988	Xóm 2, xã Hợp Lý, Triệu Sơn, Thanh Hóa	Đại học thương mại	Kế toán doanh nghiệp		HNA00646		24.0	45.00	35.00	Khiến trách	HNA00109
55	Nguyễn Thị	Hạnh				12	4	1988	Xóm Trung, xã Nam Cường, Nam Trực, Nam Định	Đại học thương mại	Kế toán doanh nghiệp		HNA00647		32.50	52.50	35.00		HNA00112
56	Nguyễn Thị	Hậu				17	6	1992	Thống Nhất, Công Lý, Lý Nhân, Hà Nam	Đại học kinh tế quốc dân	Quản trị kinh doanh thương mại	Con BB	HNA00662	20	77.50	57.50	72.50		HNA00033

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NV CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
57	Lương Thị	Hiên				20	7	1991	Xóm 2, thôn Tâng, xã Thanh Hương, Thanh Liêm, Hà Nam	Đại học công đoàn	Kế toán		HNA00669		VT	VT	VT		HNA00098
58	Đinh Thị	Hiên				22	1	1980	Xóm 2, Thuy Xuyên, Ngọc Sơn, Kim Bảng, Hà Nam	Học viên Tài chính	Kế toán doanh nghiệp	Con TB	HNA00676	20	80.00	26.25	60.00		HNA00167
59	Đinh Thị Thu	Hiên				19	2	1992	Thanh Lưu, Thanh Liêm, Hà Nam	Đại học Điện lực	Kế toán		HNA00677		VT	VT	VT		HNA00007
60	Lương Thị	Hiên				26	7	1989	Thanh Hương, Thanh Liêm, Hà Nam	Đại học kinh tế quốc dân	Kế toán tổng hợp		HNA00690		VT	VT	VT		HNA00106
61	Nguyễn Thị	Hiên				20	8	1988	Thôn Dương Xá, Thanh Hà, Thanh Liêm, Hà Nam	Đại học công nghiệp Hà Nội	Kế toán		HNA00694		50.00	23.75	32.50		HNA00172
62	Trần Thanh	Hiên				12	11	1988	Bồ Đề, Bình Lục, Hà Nam	Học viên Tài chính	Tài chính doanh nghiệp	Con TB	HNA00713	20	87.50	58.75	82.50		HNA00039
63	Hoàng Thị	Hoa				2	7	1982	Tổ 6, phường Thanh Tuyền, Phủ Lý, Hà Nam	Học viên Tài chính	Kế toán		HNA00751		67.50	36.25	75.00		HNA00020
64	Mai Thị	Hoa				22	8	1994	Xã Trục Chính, huyện Trục Ninh, Nam Định	Đại học Luật Hà Nội	Luật		HNA00755		VT	VT	VT		HNA00147
65	Nguyễn Thị	Hoa				22	12	1992	Tiên Ngoại, Duy Tiên, Hà Nam	Đại học thương mại	Kinh tế thương mại		HNA00761		VT	VT	VT		HNA00120
66	Nguyễn Thị	Hoa				4	8	1988	thôn Trại Cầu, An Nội, Bình Lục, Hà Nam	Đại học Hà Hoa Tiên	Kế toán		HNA00760		VT	VT	VT		HNA00152
67	Tạ Thị Hồng	Hoa				14	12	1992	Thôn Thượng, Thuy Trính, Thái Thụy, Thái Bình	Đại học kinh tế kỹ thuật công nghiệp	Tài chính doanh nghiệp		HNA00767		52.50	57.50	50.00		HNA00183
68	Trần Thị Mỹ	Hoa				31	5	1992	Thanh Hương, Thanh Liêm, Hà Nam	Đại học Ngoại thương	Tài chính quốc tế		HNA00768		60.00	83.75	72.50		HNA00093
69	Trần Thị Thanh	Hoa				14	1	1991	Bồ Đề, Bình Lục, Hà Nam	Đại học kinh tế quốc dân	Tài chính doanh nghiệp	Con TB	HNA00769	20	77.50	61.25	65.00		HNA00092
70	Vũ Thị	Hoa				29	12	1986	Minh Khai, Phủ Lý, Hà Nam	Đại học kinh tế - kỹ thuật công nghiệp	Kế toán doanh nghiệp sx		HNA00774		40.00	28.75	47.50		HNA00140
71	Đinh Thị Thanh	Hòa				13	7	1993	Phường Lam Hạ, Phủ Lý, Hà Nam	Đại học kinh doanh và công nghệ Hà Nội	Tài chính		HNA00780		VT	VT	VT		HNA00076
72	Mai Thị	Hòa				14	10	1991	An Lão, Bình Lục, Hà Nam	Đại học công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh	Kế toán - Kiểm toán		HNA00788		70.00	30.00	57.50		HNA00086
73	Nguyễn Thanh	Hoàng	7	4	1985				Thôn Nha Xá, xã Mộc Nam, huyện Duy Tiên, Hà Nam	Đại học Chu Văn An	Kế toán	Con TB	HNA00809	20	45.00	57.50	85.00		HNA00053
74	Trần Thị Thanh	Hợp				18	2	1985	Mỹ Phúc, Mỹ Lộc, Nam Định	Đại học Luật Hà Nội	Luật kinh tế		HNA00835		70.00	57.50	70.00		HNA00190
75	Nguyễn Thị	Huê				22	8	1987	Số 7, tổ 10, Lê Hồng Phong, Phủ Lý, Hà Nam	Đại học thương mại	Kế toán - Tài chính DNTM		HNA00842		VT	VT	VT		HNA00144
76	Dương Thị Hồng	Huê				2	9	1985	Đồng Lý, Lý Nhân, Hà Nam	Học viên Tài chính	Kế toán doanh nghiệp		HNA00855		VT	VT	VT		HNA00180
77	Ngô Mỹ	Huê				22	4	1987	Thôn Minh, Tiên Ngoại, Duy Tiên, Hà Nam	Đại học thương mại	Thương mại quốc tế		HNA00858		VT	MT	VT		HNA00174
78	Phạm Ngọc	Hưng	18	9	1983				Trác Văn, Duy Tiên, Hà Nam	Đại học tài chính - Quản trị kinh doanh	Kế toán	Con TB	HNA00885	20	55.00	28.75	20.00		HNA00134
79	Đào Thị Thanh	Hương				21	12	1991	Nhân Khang, Lý Nhân, Hà Nam	Đại học Tài chính - Ngân hàng Hà Nội	Kế toán		HNA00894		45.00	28.75	30.00		HNA00099
80	Lê Thị Thu	Hương				22	6	1992	An Lão, Bình Lục, Hà Nam	Đại học kinh doanh và công nghệ Hà Nội	Kế toán		HNA00904		52.50	26.25	37.50		HNA00026
81	Nguyễn Thị	Hương				24	4	1989	Thanh Phong, Thanh Liêm, Hà Nam	Đại học thương mại	Tài chính ngân hàng thương mại		HNA00913		55.00	46.25	37.50		HNA00079
82	Trần Thị	Hương				1	2	1990	Thôn Nam Đoài, Vũ Bản, Bình Lục, Hà Nam	Đại học công nghiệp Hà Nội	Kế toán		HNA00944		62.50	35.00	62.50		HNA00173
83	Trần Thị Thu	Hương				27	2	1993	Xóm 7, Nhân Khang, Lý Nhân, Hà Nam	Đại học công nghiệp Hà Nội	Kế toán		HNA00949		VT	VT	VT		HNA00151
84	Đỗ Thúy	Hường				31	1	1984	Ngọc Sơn, Kim Bảng, Hà Nam	Đại học công nghiệp Hà Nội	Kế toán	Con NHĐKC bị NCDHH	HNA00968	20	VT	VT	VT		HNA00066
85	Mai Quốc	Huy	7	10	1984				Liêm Thuận, Thanh Liêm, Hà Nam	Đại học Bách khoa Hà Nội	Quản trị kinh doanh		HNA00989		VT	VT	VT		HNA00200
86	Lê Thị Thanh	Huyền				10	6	1991	Đức Lý, Lý Nhân, Hà Nam	Học viên Tài chính	Kiểm toán		HNA01021		85.00	46.25	72.50		HNA00097
87	Lý Thanh	Huyền				22	12	1988	Châu Sơn, Duy, Hà Nam	Học viên Tài chính	Kế toán		HNA01025		VT	VT	VT		HNA00129

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
88	Nguyễn Thị Phương	Huyền				27	11	1993	Thôn Hội Động, Đức Lý, Lý Nhân, Hà Nam	Học viên Tài chính	Tài chính doanh nghiệp		HNA01039		92.50	56.25	87.50		HNA00031
89	Nguyễn Thị Thanh	Huyền				12	6	1992	Tiêu Động, Bình Lục, Hà Nam	Đại học công nghiệp Hà Nội	Kế toán		HNA01028		50.00	38.75	37.50		HNA00143
90	Phạm Thị	Huyền				27	9	1993	Thôn Cây Chanh 2, Đức Ninh, Hàm Yên, Tuyên Quang	Đại học công nghiệp Hà Nội	Quản trị kinh doanh		HNA01054		27.50	35.00	50.00		HNA00040
91	Trần Thị Thanh	Huyền				23	3	1993	Thôn 1, xã Bồ Đề, Bình Lục, Hà Nam	Học viện ngân hàng	Ngân hàng thương mại	Con BB	HNA01063	20	VT	VT	VT		HNA00004
92	Trần	Khoa	27	6	1986				xã Ngọc Sơn, Kim Bảng, Hà Nam	Học viên Tài chính	Kế toán doanh nghiệp		HNA01088		57.50	24.0	72.50	Cảnh cáo	HNA00021
93	Lê Minh	Khuê				9	4	1992	Nhật Tân, Kim Bảng, Hà Nam	Đại học Tài chính - Ngân hàng Hà Nội	Kế toán	Con TB	HNA01090	20	50.00	41.25	87.50		HNA00155
94	Mai Đức	Khuông	14	10	1990				Xóm 7, Đồng Hóa, Kim Bảng, Hà Nam	Đại học kinh tế kỹ thuật công nghiệp	Kế toán doanh nghiệp		HNA01093		35.00	37.50	35.00		HNA00081
95	Vũ Trung	Kiên	20	12	1994				Thanh Nghị, Thanh Liêm, Hà Nam	Học viên Tài chính	Tài chính doanh nghiệp		HNA01103		VT	VT	VT		HNA00071
96	Lương Thanh	Lâm	20	7	1988				Nhân Thịnh, Lý Nhân, Hà Nam	Đại học tài nguyên và Môi trường Hà Nội	Kế toán doanh nghiệp		HNA01109		47.50	21.25	25.00		HNA00199
97	Trần Thị Hương	Lan				26	10	1980	An Ninh, Bình Lục, Hà Nam	Viện Đại học Mở Hà Nội	Kế toán	Con TB	HNA01131	20	57.50	23.75	60.00		HNA00168
98	Trần Thị Tuyết	Lan				6	10	1981	Ngọc Sơn, Kim Bảng, Hà Nam	Học viên Tài chính	Kế toán doanh nghiệp		HNA01132		57.50	26.25	72.50		HNA00042
99	Đồng Thị	Lê				13	9	1991	Phúc Sơn, Văn Chấn, Yên Bái	Đại học Lương Thế Vinh	Kế toán tổng hợp	DTTS	HNA01138	20	35.00	22.50	30.00		HNA00141
100	Phạm Thị	Liên				3	12	1991	Yên Tân, Ý Yên, Nam Định	Học viên Tài chính	Kế toán doanh nghiệp		HNA01169		60.00	42.50	60.00		HNA00041
101	Vũ Thị Thu	Liên				12	7	1994	Hà Nam	Đại học Hà Nội	Kế toán		HNA01176		VT	VT	VT		HNA00136
102	Đặng Đào Bảo	Linh				26	9	1993	Chân Lý, Lý Nhân, Hà Nam	Đại học Lương Thế Vinh	Kế toán		HNA01185		50.00	58.75	62.50		HNA00061
103	Đinh Thị Hạnh	Linh				12	12	1992	xã Xuân Thành, Xuân Trường, Nam Định	Đại học Ngoại thương	Kinh tế đối ngoại		HNA01190		VT	VT	VT		HNA00186
104	Dương Hồng	Linh				28	10	1991	Đồng Lý, Lý Nhân, Hà Nam	Đại học kinh tế quốc dân	Tài chính - Ngân hàng		HNA01197		45.00	45.00	40.00		HNA00068
105	Nguyễn Thị Thủy	Linh				19	5	1990	xã Công Lý, Lý Nhân, Hà Nam	Đại học Thủy lợi	Quản trị kinh doanh	Con TB	HNA01223	20	65.00	22.50	47.50		HNA00046
106	Trần Thị	Linh				27	12	1990	Đà Sơn, Đồ Lương, Nghệ An	Đại học kinh tế quốc dân	Kế toán tổng hợp		HNA01247		62.50	61.25	35.00		HNA00121
107	Trần Thùy	Linh				15	4	1993	Đồng Du, Bình Lục, Hà Nam	Đại học Điện lực	Kế toán doanh nghiệp		HNA01252		60.00	36.25	65.00		HNA00080
108	Trần Thùy	Linh				22	1	1993	Thanh Thủy, Thanh Liêm, Hà Nam	Đại học kinh doanh và công nghệ Hà Nội	Kế toán		HNA01251		37.50	28.75	55.00		HNA00002
109	Lê Thị	Loan				6	12	1991	Hà Nam	Đại học thương mại	Kế toán		HNA01266		52.50	28.75	57.50		HNA00105
110	Trần Thị Phương	Loan				30	10	1993	Trảng An, Bình Lục, Hà Nam	Đại học kinh tế quốc dân	Kinh tế quốc tế		HNA01275		70.00	68.75	72.50		HNA00010
111	Phạm Tiến	Lộc	30	9	1989				Thị trấn Quế, Kim Bảng, Hà Nam	Đại học kinh tế kỹ thuật công nghiệp	Kế toán doanh nghiệp		HNA01278		50.00	52.50	40.00		HNA00082
112	Nguyễn Thị	Lụa				7	7	1989	Phủ Lý, Hà Nam	Đại học kinh doanh và công nghệ Hà Nội	Kế toán		HNA01289		55.00	43.75	52.50		HNA00175
113	Ngô Thị	Lý				17	7	1983	Phủ Lãm, Tiên Du, Bắc Ninh	Đại học Dân lập Thăng Long	Tài chính - Kế toán		HNA01324		VT	VT	VT		HNA00124
114	Hà Thị Quỳnh	Mai				13	9	1993	Đồng Du, Bình Lục, Hà Nam	Đại học kinh doanh và công nghệ Hà Nội	Kế toán		HNA01330		VT	VT	VT		HNA00115
115	Phạm Thị Tuyết	Mai				7	11	1991	xã Thanh Nguyên, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam	Đại học Hà Hoa Tiên	Kế toán		HNA01344		87.50	40.00	72.50		HNA00008
116	Trần Thị Ngọc	Mai				14	2	1987	Vĩnh Trụ, Lý Nhân, Hà Nam	Đại học kinh doanh và công nghệ Hà Nội	Kế toán		HNA01347		25.00	37.50	82.50		HNA00188
117	Trần Văn	Mạnh	5	4	1993				Xóm 5, Mã Nào, Ngọc Sơn, Kim Bảng, Hà Nam	Học viên Tài chính	Kế toán doanh nghiệp		HNA01356		35.00	45.00	42.50		HNA00025
118	Đào Thị	Minh				4	7	1982	Thanh Nguyên, Thanh Liêm, Hà Nam	Đại học công nghiệp Hà Nội	Kế toán		HNA01363		67.50	43.75	50.00		HNA00065
119	Lữ Văn	Minh	23	9	1990				Thôn Khê Lôi, Liêm Tiết, Phủ Lý, Hà Nam	Đại học Hà Hoa Tiên	Kế toán	Con TB	HNA01373	20	57.50	48.75	42.50		HNA00073

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
120	Lê Thị Thanh	Nga				11	1	1994	Liêm Thuận, Thanh Liêm, Hà Nam	Đại học kinh tế quốc dân	Quản lý kinh tế		HNA01427		80.00	56.25	85.00		HNA00153
121	Vũ Thị Hằng	Nga				16	9	1994	Trung Lương, Bình Lục, Hà Nam	Đại học Lâm nghiệp	Kế toán		HNA01462		75.00	31.25	77.50		HNA00027
122	Lê Thị Ngọc	Ngà				24	10	1990	An Đổ, Bình Lục, Hà Nam	Học viện Tài chính	Marketing		HNA01464		VT	VT	VT		HNA00084
123	Trần Thị	Ngà				17	11	1983	Thôn Lương Tráng, Liêm Tiết, Phủ Lý, Hà Nam	Đại học công nghiệp Hà Nội	Kế toán doanh nghiệp	Con NHĐKC bị NCDHH	HNA01465	20	42.50	37.50	50.00		HNA00196
124	Nguyễn Thị	Ngân				5	1	1992	Tương Lĩnh, Kim Bảng, Hà Nam	Viện Đại học Mở Hà Nội	Tài chính - Ngân hàng		HNA01473		52.50	48.75	60.00		HNA00126
125	Hoàng Thị	Ngoan				23	1	1993	Thạch Tổ, Thanh Hà, Thanh Liêm, Hà Nam	Đại học Lạc Hồng	Tài chính - Ngân hàng		HNA01498		45.00	35.00	42.50		HNA00062
126	Phan Diệu	Ngọc				25	12	1994	Tân Sơn, Kim Bảng, Hà Nam	Học viện Tài chính	Quản trị tài chính công		HNA01522		90.00	62.50	77.50		HNA00063
127	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt				21	5	1990	Tân Khánh, Vụ Bản, Nam Định	Đại học thương mại	Quản trị doanh nghiệp khách sạn du lịch	Con TB	HNA01538	20	47.50	32.50	60.00		HNA00187
128	Trần Thị Minh	Nguyệt				7	8	1993	Thôn Vĩnh Tứ, An Lão, Bình Lục, Hà Nam	Đại học kinh tế quốc dân	Kinh tế bảo hiểm		HNA01546		67.50	55.00	67.50		HNA00012
129	Trần Thị Ngọc	Nhâm				20	6	1992	Nguyễn Lý, Lý Nhân, Hà Nam	Đại học công đoàn	Luật	Con BB	HNA01551	20	42.50	42.50	50.00		HNA00158
130	Nguyễn Thị Minh	Nhật				12	8	1985	Liêm Túc, Thanh Liêm, Hà Nam	Đại học kinh tế quốc dân	Kế toán		HNA01559		32.50	27.50	25.00		HNA00083
131	Mai Thị Hồng	Nhung				28	1	1992	Trực Chính, Trực Ninh, Nam Định	Đại học kinh tế quốc dân	Kinh tế quốc tế		HNA01593		VT	VT	VT		HNA00202
132	Nguyễn Hồng	Nhung				30	12	1994	An Đổ, Bình Lục, Hà Nam	Đại học kinh tế quốc dân	Tài chính công		HNA01598		90.00	65.00	85.00		HNA00030
133	Nguyễn Thị Hồng	Nhung				14	12	1994	Tiên Hải, Phủ Lý, Hà Nam	Đại học Ngoại thương	Kế toán		HNA01599		72.50	60.00	70.00		HNA00132
134	Phạm Thị Hồng	Nhung				10	3	1992	xã Tráng An, Bình Lục, Hà Nam	Đại học công đoàn	Kế toán		HNA01604		VT	VT	VT		HNA00166
135	Trần Thị Hồng	Nhung				16	11	1992	Thôn 3, Liêm Chung, Phủ Lý, Hà Nam	Viện Đại học Mở Hà Nội	Luật kinh tế		HNA01612		77.50	45.00	60.00		HNA00085
136	Trần Thị Hồng	Nhung				6	2	1988	Đình Tráng, Lam Hạ, Phủ Lý, Hà Nam	Đại học kinh tế quốc dân	Kế toán tổng hợp		HNA01610		62.50	50.00	65.00		HNA00142
137	Dương Thị	Nụ				9	9	1993	Xóm 8, Điền Xá, Văn Xá, Kim Bảng, Hà Nam	Học viện Tài chính	Ngân hàng		HNA01624		87.50	65.00	80.00		HNA00197
138	Đặng Thị Kiều	Oanh				3	10	1991	Tân Sơn, Kim Bảng, Hà Nam	Học viện ngân hàng	Tài chính doanh nghiệp		HNA01628		87.50	62.50	72.50		HNA00024
139	Nguyễn Thị	Oanh				13	1	1987	Yên Bắc, Duy Tiên, Hà Nam	Đại học Hà Hoa Tiên	Kế toán		HNA01636		32.50	25.00	37.50		HNA00118
140	Phạm Quốc	Phong	4	5	1985				Nhân Chính, Lý Nhân, Hà Nam	Học viện Tài chính	Kế toán	Con TB	HNA01655	20	50.00	17.50	57.50		HNA00139
141	Vũ Mạnh	Phong	21	4	1994				Duy Hải, Duy Tiên, Hà Nam	Đại học thương mại	Tài chính ngân hàng thương mại		HNA01659		VT	VT	VT		HNA00119
142	Hoàng Minh	Phúc	2	6	1987				Liêm Thuận, Thanh Liêm, Hà Nam	Đại học kinh doanh và công nghệ Hà Nội	Kế toán		HNA01663		42.50	42.50	72.50		HNA00100
143	Trần Quang	Phục	7	3	1986				Vĩnh Trụ, Lý Nhân, Hà Nam	Đại học kinh tế quốc dân	Quản trị kinh doanh công nghiệp và xây dựng		HNA01668		VT	VT	VT		HNA00189
144	Nguyễn Chi	Phương	2	12	1992				Thá, Phường Liêm Chính, Thành phố Phủ Lý, Hà Nam	Đại học kinh tế quốc dân	Tài chính doanh nghiệp		HNA01695		77.50	61.25	80.00		HNA00003
145	Nguyễn Thị	Phương				24	2	1991	Thanh Lưu, Thanh Liêm, Hà Nam	Học viện Tài chính	Kế toán doanh nghiệp		HNA01703		VT	VT	VT		HNA00181
146	Nguyễn Thị	Phương				28	4	1989	Xóm Rặng, Đức Lý, Lý Nhân, Hà Nam	Đại học kinh tế quốc dân	Quản trị kinh doanh tổng hợp		HNA01700		VT	VT	VT		HNA00206
147	Nguyễn Thị	Phương				9	1	1988	thôn Đích, Tiêu Động, Bình Lục, Hà Nam	Đại học công nghiệp Hà Nội	Kế toán		HNA01699		65.00	51.25	67.50		HNA00122
148	Nguyễn Thị Ngọc	Phương				24	2	1988	Quảng Thọ, Quảng Trạch, Quảng Bình	Đại học kinh doanh và công nghệ Hà Nội	Tài chính - Ngân hàng		HNA01712		45.00	33.75	75.00		HNA00070
149	Nguyễn Thu	Phương				2	8	1982	An Tập, An Mỹ, Bình Lục, Hà Nam	Đại học giao thông vận tải Hà Nội	Kinh tế xây dựng		HNA01714		27.50	28.75	25.00		HNA00104
150	Trương Thị	Phương				7	8	1992	Thanh Tân, Thanh Liêm, Hà Nam	Học viện Tài chính	Tài chính doanh nghiệp		HNA01732		80.00	45.00	67.50		HNA00049
151	Vũ Thị Huyền	Phương				1	3	1988	Đình Phùng, Kiến Xương, Thái Bình	Học viện Tài chính	Kế toán doanh nghiệp		HNA01735		52.50	32.50	47.50		HNA00116
152	Vũ Thị Thu	Phương				27	7	1987	Thanh Hà, Thanh Liêm, Hà Nam	Đại học Lương Thế Vinh	Kế toán		HNA01739		VT	VT	VT		HNA00156
153	Nguyễn Bích	Phượng				5	2	1991	Liêm Túc, Thanh Liêm, Hà Nam	Học viện ngân hàng	Tài chính doanh nghiệp		HNA01749		65.00	61.25	75.00		HNA00011
154	Trần Văn	Quyết	25	6	1987				Nguyễn Lý, Lý Nhân, Hà Nam	Đại học thương mại	Kế toán doanh nghiệp	Con BB	HNA01782	20	60.00	26.25	60.00		HNA00159

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
155	Phạm Mỹ	Quỳnh				15	7	1993	Thụy Lôi, Kim Bảng, Hà Nam	Học viện Tài chính	Thuế		HNA01805		VT	VT	VT		HNA00209
156	Lê Anh	Tài	13	10	1990				Yên Tân, Ý Yên, Nam Định	Đại học quốc tế Bắc Hà	Kế toán		HNA01821		37.50	42.50	47.50		HNA00005
157	Phạm Thị	Tâm				14	9	1985	Quang Trung, Văn Lý, Lý Nhân, Hà Nam	Đại học công đoàn	Kế toán		HNA01837		30.00	32.50	27.50		HNA00102
158	Nguyễn Hồng	Thái	9	12	1987				Bồ Câu, Bình Lục, Hà Nam	Học viện Tài chính	Kế toán doanh nghiệp		HNA01858		37.50	25.00	47.50		HNA0013
159	Phan Thị	Thái				24	11	1989	Điệp Sơn, Yên Nam, Duy Tiên, Hà Nam	Học viện Tài chính	Kế toán doanh nghiệp		HNA01860		VT	VT	VT		HNA00125
160	Lê Thị Hồng	Thắm				20	8	1986	Thôn Lường, Thanh Thủy, Thanh Liêm, Hà Nam	Đại học giao thông vận tải Hà Nội	Kế toán tổng hợp		HNA01863		55.00	26.25	65.00		HNA00056
161	Nguyễn Hồng	Thắm				1	2	1991	Phủ Hoàn, Tiên Hiệp, Phủ Lý, Hà Nam	Đại học kinh tế quốc dân	Kế toán tổng hợp		HNA01866		67.50	35.00	67.50		HNA00019
162	Nguyễn Thị Hồng	Thắm				1	7	1985	TT. Quế, Kim Bảng, Hà Nam	Đại học kinh tế quốc dân	Kế toán tổng hợp	Con TB	HNA01868	20	VT	VT	VT		HNA00091
163	Nguyễn Thị	Thanh				11	7	1987	Trác Vãn, Duy Tiên, Hà Nam	Đại học thương mại	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại		HNA01899		27.50	26.25	27.50		HNA00182
164	Lê Minh	Thành	5	12	1992				Công Lý, Lý Nhân, Hà Nam	Đại học Mỏ - Địa chất	Quản trị kinh doanh		HNA01915		80.00	55.00	82.50		HNA00016
165	Phạm Ngọc	Thành	17	7	1990				Xóm 4, Thụy Lôi, Kim Bảng, Hà Nam	Đại học Hải Phòng	Kế toán doanh nghiệp		HNA01919		VT	VT	VT		HNA00193
166	Bùi Thị Phương	Thảo				19	1	1990	Mỹ Thuận, Mỹ Lộc, Nam Định	Đại học Hải Phòng	Kế toán - Kiểm toán		HNA01928		VT	VT	VT		HNA00067
167	Lê Thị Phương	Thảo				9	8	1994	Tổ 1, thị trấn Quế, Kim Bảng, Hà Nam	Đại học sư phạm kỹ thuật Nam Định	Kế toán		HNA01942		70.00	45.00	45.00		HNA00145
168	Lê Thị Thu	Thảo				24	6	1994	Yên Tân, Ý Yên, Nam Định	Đại học Ngoại thương	Ngân hàng và tài chính quốc tế		HNA01944		40.00	61.25	55.00		HNA00017
169	Trần Thị	Thảo				24	2	1994	Ngọc Lũ, Bình Lục, Hà Nam	Học viện nông nghiệp Việt Nam	Kinh tế		HNA01974		50.00	33.75	47.50		HNA00078
170	Lê Trường	Thi	12	11	1984				Liêm Tiết, Phủ Lý, Hà Nam	Đại học kinh tế và Quản trị kinh doanh	Kế toán tổng hợp		HNA01991		VT	VT	VT		HNA00154
171	Nguyễn Như	Thịnh	6	12	1994				Quang Trung, Phủ Lý, Hà Nam	Học viện nông nghiệp Việt Nam	Kinh tế nông nghiệp		HNA02000		57.50	43.75	75.00		HNA00113
172	Nguyễn Thị	Thơm				24	3	1994	An Đổ, Bình Lục, Hà Nam	Học viện ngân hàng	Tài chính doanh nghiệp		HNA02022		60.00	63.75	60.00		HNA00201
173	Bùi Thị	Thu				27	8	1992	Ngọc Sơn, Kim Bảng, Hà Nam	Đại học Mỏ - Địa chất	Kế toán		HNA02025		47.50	23.75	30.00		HNA00103
174	Nguyễn Hoài	Thu				31	8	1994	Liêm Chính, Phủ Lý, Hà Nam	Đại học công đoàn	Kế toán		HNA02044		95.00	60.00	92.50		HNA00037
175	Phạm Thị Minh	Thu				4	6	1989	Xóm 14, thôn An Lạng, Văn Lý, Lý Nhân, Hà Nam	Học viện ngân hàng	Tài chính doanh nghiệp		HNA02057		80.00	43.75	45.00		HNA00072
176	Nguyễn Hồng	Thư				14	4	1991	Liêm Thuận, Thanh Liêm, Hà Nam	Đại học công đoàn	Tài chính - Ngân hàng		HNA02065		50.00	38.75	60.00		HNA00149
177	Trần Thị	Thương				14	10	1990	Bắc Lý, Lý Nhân, Hà Nam	Đại học Điện lực	Kế toán		HNA02082		25.00	32.50	47.50		HNA00160
178	Vũ Ngọc	Thủy				24	4	1984	Yên Nam, Duy Tiên, Hà Nam	Học viện Tài chính	Kế toán doanh nghiệp	Con TB	HNA02119	20	42.50	31.25	50.00		HNA00194
179	Đào Thị Thu	Thủy				27	11	1990	Xóm 7, xã Nhân Khang, huyện Lý Nhân, Hà Nam	Đại học kinh tế kỹ thuật công nghiệp	Kế toán doanh nghiệp		HNA02133		70.00	57.50	67.50		HNA00137
180	Nguyễn Thị Lệ	Thủy				2	2	1991	Thị Sơn, Kim Bảng, Hà Nam	Đại học giao thông vận tải Hà Nội	Quản trị doanh nghiệp vận tải		HNA02156		72.50	53.75	70.00		HNA00047
181	Nguyễn Thị Thanh	Thủy				17	9	1992	Thôn Phú Hoàn, xã Tiên Hiệp, Phủ Lý, Hà Nam	Đại học Lâm nghiệp	Kế toán		HNA02158		57.50	43.75	72.50		HNA00051
182	Trương Thị	Thủy				12	11	1990	Thanh Sơn, Kim Bảng, Hà Nam	Học viện Tài chính	Tài chính doanh nghiệp		HNA02181		90.00	52.50	70.00		HNA00034
183	Đinh Thủy	Tiên				3	9	1994	Thị Sơn, Kim Bảng, Hà Nam	Đại học Ngoại thương	Thương mại quốc tế		HNA02187		87.50	76.25	77.50		HNA00133
184	Dương Văn	Tiến	31	1	1994				Xóm 2, Đồng Hóa, Kim Bảng, Hà Nam	Học viện ngân hàng	Ngân hàng		HNA02189		VT	VT	VT		HNA00095
185	Trần Thị	Tiến				20	1	1986	An Nội, Bình Lục, Hà Nam	Đại học kinh tế quốc dân	Kế toán, kiểm toán và phân tích		HNA02192		77.50	42.50	62.50		HNA00057
186	Chu Quỳnh	Trang				8	11	1988	Trực Đại, Trực Ninh, Nam Định	Học viện Tài chính	Kinh doanh chứng khoán		HNA02210		VT	VT	VT		HNA00135
187	Đinh Thị Kiều	Trang				18	11	1994	Hưng Yên	Học viện ngân hàng	Ngân hàng thương mại		HNA02214		VT	VT	VT		HNA00096
188	Lê Thu	Trang				31	10	1992	Phường Trần Tế Xương, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định	Đại học kinh tế quốc dân	Quản trị kinh doanh tổng hợp		HNA02238		72.50	72.50	75.00		HNA00108

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
189	Mai Thị Thu	Trang				27	11	1993	Yên Khang, Ý Yên, Nam Định	Đại học tài chính - Quản trị kinh doanh	Kế toán doanh nghiệp		HNA02243		80.00	45.00	70.00		HNA00088
190	Nguyễn Hà	Trang				31	8	1993	Nhân Nghĩa, Lý Nhân, Hà Nam	Đại học kinh doanh và công nghệ Hà Nội	Tài chính		HNA02247		37.50	33.75	45.00		HNA00205
191	Nguyễn Thị Huyền	Trang				23	10	1993	thôn Trần Xá, Nguyên Lý, Lý Nhân, Hà Nam	Đại học thương mại	Kế toán doanh nghiệp		HNA02265		75.00	41.25	77.50		HNA00089
192	Nguyễn Thị Kiều	Trang				28	11	1992	Thôn Tập Mỹ, xã La Sơn, Bình Lục, Hà Nam	Đại học thương mại	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại		HNA02267		82.50	51.25	80.00		HNA00014
193	Phạm Thị	Trang				29	8	1987	Khánh Cư, Yên Khánh, Ninh Bình	Đại học kinh tế quốc dân	Kế toán, kiểm toán, phân tích		HNA02288		40.00	38.75	42.50		HNA00191
194	Phan Đỗ Quỳnh	Trang				3	4	1990	Kim Bình, Kim Bảng, Hà Nam	Đại học kinh doanh và công nghệ Hà Nội	Tài chính		HNA02298		25.00	VT	VT		HNA00198
195	Trần Kiều	Trang				4	4	1991	Nhật Tựu, Kim Bảng, Hà Nam	Học viện ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng		HNA02304		80.00	57.50	72.50		HNA00069
196	Trần Thu	Trang				15	10	1993	Quỳnh Lôi, Hai Bà Trưng, Hà Nội	Học viên Tài chính	Kiểm toán		HNA02311		100.00	72.50	75.00		HNA00035
197	Trần Thu	Trang				4	11	1989	Yên Thọ, Đông Triều, Quảng Ninh	Đại học kinh tế quốc dân	Kinh tế tài chính ngân hàng		HNA02310		87.50	60.00	65.00		HNA00045
198	Lê Anh	Tú	5	10	1993				Yên Bằng, Ý Yên, Nam Định	Đại học tài chính - Quản trị kinh doanh	Kế toán doanh nghiệp		HNA02345		45.00	31.25	47.50		HNA00138
199	Hà Văn	Tùng	1	4	1990				Thôn An Bài, Đồng Du, Bình Lục, Hà Nam	Học viên Tài chính	Tài chính - Ngân hàng		HNA02378		82.50	32.50	70.00		HNA00094
200	Lại Thanh	Tùng	30	8	1989				Hà Nam	Đại học La Trobe	Kinh doanh quốc tế		HNA02379		VT	MT	VT		HNA00203
201	Nguyễn Quang	Tùng	4	9	1979				xã Mỹ Thọ, Bình Lục, Hà Nam	Đại học kinh tế quốc dân	Kế toán	HTNVQS	HNA02385	10	37.50	26.25	32.50		HNA00162
202	Chu Xuân	Tuy	22	10	1982				Đo Nha, phường Châu Sơn, Phủ Lý, Hà Nam	Đại học thương mại	Kế toán doanh nghiệp		HNA02397		62.50	38.75	70.00		HNA00059
203	Chu Thị	Tuyền				23	7	1992	Thôn Lưu, Đạo Lý, Lý Nhân, Hà Nam	Học viện công nghệ bưu chính viễn thông	Quản trị kinh doanh		HNA02404		80.00	55.00	67.50		HNA00148
204	Trần Văn	Tuyền	11	12	1984				Xóm 1, Mỹ Hưng, Mỹ Lộc, Nam Định	Đại học Dân lập Hải Phòng	Quản trị doanh nghiệp	HTNVQS	HNA02405	10	62.50	21.25	42.50		HNA00064
205	Nguyễn Kim	Tuyết				17	3	1992	An Đổ, Bình Lục, Hà Nam	Đại học Ngoại thương	Kinh tế quốc tế		HNA02412		50.00	71.25	65.00		HNA00161
206	Nguyễn Y	Vân				20	9	1993	Trảng An, Bình Lục, Hà Nam	Học viện hậu cần	Tài chính - Ngân hàng		HNA02448		45.00	31.25	47.50		HNA00022
207	Phạm Thị	Vân				4	11	1992	xã Xuân Phong, Xuân Trường, tỉnh Nam Định	Đại học kinh tế quốc dân	Quản trị kinh doanh tổng hợp		HNA02452		72.50	45.00	67.50		HNA00009
208	Dương Thế	Vân	14	9	1991				Xóm 5, Mai Xá, Dương Lý, Lý Nhân, Hà Nam	Đại học kinh tế quốc dân	Tài chính doanh nghiệp		HNA02463		VT	VT	VT		HNA00177
209	Lại Quốc	Việt	14	1	1991				Yên Tân, Ý Yên, Nam Định	Đại học Lương Thế Vinh	Kế toán		HNA02468		42.50	32.50	50.00		HNA00038
210	Lê Thị	Yến				21	7	1985	Thanh Nguyên, Thanh Liêm, Hà Nam	Đại học kinh tế và Quản trị kinh doanh	Kế toán tổng hợp		HNA02506		67.50	47.50	32.50		HNA00150
211	Lê Thị Hải	Yến				23	2	1992	thôn Trại, Liêm Tiết, Phủ Lý, Hà Nam	Đại học Hòa Bình	Kế toán		HNA02508		42.50	30.00	57.50		HNA00178
II. Chuyên viên làm Công nghệ thông tin																			
III. Chuyên viên làm Văn thư lưu trữ																			
IV. Cán sự làm Công nghệ thông tin																			
V. Cán sự và Kiểm tra viên trung cấp thuế																			
VI. Cán sự làm Văn thư lưu trữ																			

ugor